

TÒA ÁN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TỈNH LÀO CAI

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 02/2018/HS-ST

Ngày 10/01/2018

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hồng Hạnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Duy Cường

2. Ông Chảo Láo Lủ.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Dương - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 01 năm 2018 tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã N, huyện S, tỉnh Lào Cai. Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 64/2017/TLST - HS ngày 15/11/2017 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 92/2017/QĐXXST - HS ngày 25/12/2017 đối với bị cáo:

Vũ Lương C; Sinh ngày 04/02/1994 tại thành phố L, tỉnh Lào Cai.

Nơi cư trú: Tổ 3, phường Nam C, thành phố L, tỉnh Lào Cai; nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hóa: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Lương B (đã chết) và bà Trần Thị H; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không;

Bị bắt tạm giam ngày 23/8/2017. Hiện đang bị tạm giam tại trại tạm giam Công an tỉnh Lào Cai. Có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo:* Ông Trần Mạnh H - Luật sư Văn phòng luật sư N thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Lào Cai. Có mặt.

- *Bị hại:* Trần Thị A - Sinh ngày 18/10/1998. Nơi cư trú: Thôn B, xã N, huyện S, tỉnh Lào Cai. Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:* Ông Trần Văn N. Nơi cư trú: Thôn B, xã N, huyện S, tỉnh Lào Cai. Có mặt.

- *Người làm chứng:* Lục Thị Th. Nơi cư trú: Thôn B, xã N, huyện S, tỉnh Lào Cai. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Cuối năm 2016, Vũ Lương C có quen một người tên T giới thiệu nhà ở phường P, thành phố L. Đầu năm 2017, C có gặp lại T ở khu vực Đ, phường L, thành phố L qua nói chuyện T nói hiện đang mở quán Karaoke ở M, Q và bảo C tìm xem có phụ nữ nào muốn đi làm nhân viên phục vụ quán Karaoke thì đưa xuống cho T, lương trả 150.000đ/1giờ, nếu không đồng ý thì đưa sang Trung Quốc làm cho chị H lương cao hơn, C đồng ý và xin số điện thoại của H để lúc cần thì liên lạc.

Cuối tháng 4/2017, C đến phòng trọ của bạn gái là Lù Thị T ở Tổ 3, phường Nam C, thành phố L chơi. T nói có bạn là Trần Thị A (sinh năm 1998, trú tại thôn B, xã N, huyện S, Lào Cai) đang muốn tìm việc làm, T bảo C xem biết chỗ nào cần tìm người làm thì giới thiệu cho A. C đồng ý và bảo T cho Nick và số điện thoại của A để liên lạc. Sau khi có Nick và số điện thoại của A, C gọi điện cho A giới thiệu tên C là người yêu của T và hỏi A có đi làm nhân viên phục vụ quán Karaoke không, lương trả theo giờ 150.000đ 1/giờ, A đồng ý. Ngày 8/5/2017, C gọi điện cho A bảo đi xuống phòng trọ của T gặp C để đưa đi M, Q làm, A đồng ý. Khi A đồng ý C nảy sinh ý định đưa A đi M để đưa sang Trung Quốc bán, C gọi điện cho H hỏi hiện có một phụ nữ muốn đưa sang Trung Quốc bán chị có mua không, H nói có mua. C hỏi giá thế nào, H nói tùy gái xinh hay xấu, nhưng giá thấp nhất là 7.000 CNY một người, C đồng ý và hỏi đường đi thế nào. H nói cứ đưa sang bến xe M, H sẽ cho người ra đón và chỉ dẫn đường đi sang Trung Quốc, C đồng ý. Khoảng 17 giờ cùng ngày C cùng A bắt xe khách đi M, Q, đến 4 giờ sáng ngày hôm sau thì đến bến xe M. Cả hai đi vào quán ngồi uống nước, một lúc sau thì thấy có một người đàn ông đi xe máy đến gặp C và A đưa đi xuống bên bờ thuộc phường K, thành phố M, Q. Sau đó chỉ dẫn C và A lên thuyền đi sang phía bên Trung Quốc sẽ có người đón. Khi sang đến Trung Quốc, C và A được một người đàn ông Trung Quốc đi đến đón đưa lên xe ô tô đi đến nhà H, tại đây C và H thống nhất giá bán A là 7.000CNY và H bảo phải trừ 1.000 CNY tiền xe đón A, 100 CNY tiền lấy may, C đồng ý. H lấy 5.900 CNY ra đưa cho C, C cầm số tiền trên đi gặp A bảo A cứ ở lại đây để C đi về Việt Nam đón người sang làm cùng, A đồng ý. C bắt xe tắc xi đi ra bờ sông trả tiền xe hết 1.000 CNY rồi đi về Việt Nam, khi về đến bến xe M, C lấy 300 CNY ra đổi được 990.000đ rồi bắt xe khách đi về Lào Cai. Hai ngày sau C mang số tiền còn lại 4.600 CNY đến cửa khẩu Lào Cai đổi được 16.000.000đ. Ba ngày sau C nhận được tin nhắn của A nói. A bị chị H bắt đi làm gái mại dâm và bảo C sang đón A về Việt Nam, C nhắn tin lại bảo A tìm cách bỏ trốn và bảo A xóa hết

nội dung tin nhắn đề chị H không phát hiện. Khoảng 5 ngày sau C bắt xe khách từ Lào Cai đi M rồi đi sang Trung Quốc gọi điện cho A bàn cách bỏ trốn, trong khi A đang bỏ trốn thì bị H phát hiện bắt giữ. Ngày hôm sau H bắt A đi bán dâm, lợi dụng sơ hở A bỏ trốn và được Công an Trung Quốc giải cứu. Đến ngày 23/6/2017 A được trả về Việt Nam và có đơn tố cáo hành vi của C, quá trình điều tra bị cáo đã thành khẩn khai báo hành vi phạm tội của mình.

Bản cáo trạng số 58/KSĐT ngày 13/11/2017 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai truy tố bị cáo Vũ Lương C về tội “*Mua bán người*” theo Điều 119 khoản 2 điểm đ Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai trình bày quan điểm luận tội và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Vũ Lương C phạm tội “*Mua bán người*”.

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 119, điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999. Xử phạt bị cáo Vũ Lương C mức án từ 06 đến 08 năm tù.

Tuyên giải quyết trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí của vụ án theo quy định của pháp luật.

Người bào chữa cho bị cáo trình bày quan điểm: Nhất trí với tội danh và điều luật Viện kiểm sát đề nghị, song mức án Viện kiểm sát đề nghị là cao so với tính chất, mức độ thực hiện hành vi phạm tội của bị cáo, hậu quả đối với bị hại chưa xảy ra nên đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo mức án 05 năm tù và không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử vụ án đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến gì về vấn đề này. Do đó, Hội đồng xét xử xác định các hành vi, quyết định tố tụng của những người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Vũ Lương C đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung đã tóm tắt ở phần trên. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, những người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy có đủ cơ sở kết luận: Lợi dụng nhu cầu cần xin việc làm của người bị hại Trần Thị A nên từ ngày 08 - 09/5/2017, C đã lừa đưa A đi M, Q rồi bán sang Trung Quốc cho người phụ nữ tên H để lấy 5.900 CNY. Vì vậy, bản Cáo trạng số 58/KSĐT ngày 13/11/2017 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai truy tố bị cáo về tội “*Mua bán người*” với tình tiết định khung “*để đưa ra nước ngoài*” theo điểm đ khoản 2 Điều 119 của Bộ luật Hình sự là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Hành vi phạm tội của bị cáo thuộc trường hợp đặc biệt nghiêm trọng, trực tiếp xâm phạm đến quyền tự do về thân thể, nhân phẩm và danh dự của con người được pháp luật bảo vệ. Hành vi phạm tội của bị cáo còn gây Hoang mang trong quần chúng nhân dân, gây mất trật tự trị an ở địa phương. Cần phải xử lý bị cáo thật nghiêm khắc trước pháp luật nhằm giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành công dân tốt có ích cho xã hội và phòng ngừa chung.

Song Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, tuổi đời còn trẻ. Sau khi phạm tội đã thành khẩn khai báo nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[3] Về hình phạt bổ sung: Căn cứ biên bản xác minh về tài sản (BL56), Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo không có điều kiện về kinh tế nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền.

[4] Về trách nhiệm dân sự:

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị hại Trần Thị A yêu cầu bị cáo Vũ Lương C phải bồi thường tiền danh dự, nhân phẩm số tiền là 12.000.000đ và 2.000.000đ tiền quần áo bị mất, tổng cộng 14.000.000đ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Trần Văn N yêu cầu bị cáo Vũ Lương C phải bồi thường khoản tiền chi phí đi tìm bị hại Trần Thị A số tiền là 22.520.000đ.

Hội đồng xét xử xét thấy: Đối với yêu cầu bồi thường tiền bù đắp tổn thất về tinh thần do danh dự, nhân phẩm, uy tín bị xâm phạm và tài sản bị mất của bị hại là có căn cứ, đúng pháp luật do vậy cần chấp nhận, buộc bị cáo phải bồi thường số tiền là 14.000.000đ cho bị hại.

Đối với yêu cầu bồi thường khoản tiền chi phí đi tìm bị hại Trần Thị A của ông Trần Văn N, xét thấy đây là những khoản tiền chi phí thực tế mà ông N đã phải bỏ ra nên cần được chấp nhận toàn bộ, buộc bị cáo phải bồi thường số tiền là 22.520.000đ.

Đối với Lù Thị T là người giới thiệu Trần Thị A cho C, xét thấy tại hồ sơ cũng như xét hỏi thẩm vấn tại phiên tòa cho thấy T không liên quan tới hành vi phạm tội của bị cáo. T chỉ giới thiệu Trần Thị A cho bị cáo với mục đích để A tìm được việc làm. Do vậy cơ quan điều tra và Viện kiểm sát không khởi tố, truy tố là đúng pháp luật.

[5] Về vật chứng:

Về số tiền do bán bị hại A mà có: Mặc dù bị cáo C và người mua bị hại A tên H thỏa thuận giá mua A với giá 7.000.000 CNY, nhưng số tiền thực tế bị cáo nhận từ H sau khi bán A chỉ là 5.900 CNY. Xác định đây là số tiền do bị cáo phạm tội mà có nên cần tuyên truy thu để sung quỹ nhà nước số tiền 5.900 CNY sau khi đã quy đổi ra tiền Việt Nam đồng theo tỉ giá mua vào tại thời điểm bị cáo thực hiện hành vi phạm tội là 19.192.700đ (bút lục 06).

Đối với 01 (một) vòng kim loại màu trắng hình tròn có khắc hoa văn hình bông hoa, theo lời khai của bị cáo Vũ Lương C đây là chiếc vòng bằng kim loại

bạc, bị cáo đã dùng tiền bán bị hại A để mua, tuy nhiên trong hồ sơ vụ án chưa xác định được trị giá của chiếc vòng này, do vậy cần tuyên tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Đối với 01 (một) thẻ sim Viettel có số seri 89840 4800 88104 53928, đây là vật chứng không có giá trị sử dụng nên cần tuyên tịch thu tiêu hủy.

[6] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Vũ Lương C phạm tội “Mua bán người”.

Căn cứ vào điểm đ khoản 2 Điều 119; điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999: Xử phạt bị cáo Vũ Lương C 06 (sáu) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 23/8/2017.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ vào Điều 30 Bộ luật Hình sự; Điều 584, Điều 585, Điều 592 của Bộ luật Dân sự: Buộc bị cáo Vũ Lương C phải bồi thường cho người bị hại Trần Thị A số tiền 14.000.000đ (mười bốn triệu đồng chẵn); bồi thường cho ông Trần Văn N số tiền 22.520.000đ (hai mươi hai triệu năm trăm hai mươi nghìn đồng chẵn).

Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Truy thu sung quỹ nhà nước của bị cáo Vũ Lương C số tiền 19.192.700đ (mười chín triệu một trăm chín mươi hai nghìn bảy trăm đồng).

Tạm giữ để đảm bảo thi hành án khoản tiền truy thu sung quỹ nhà nước đối với bị cáo Vũ Lương C: 01 (một) vòng kim loại màu trắng hình tròn có khắc hoa văn hình bông hoa.

Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) thẻ sim Viettel có số seri 89840 4800 88104 53928.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 14/11/2017).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, cơ quan thi hành án ra quyết định thi hành án (đối với khoản tiền truy thu), người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án (đối với khoản tiền bồi thường) mà bị cáo chưa thi hành xong khoản tiền trên thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành án theo quy định tại điều 357 Bộ luật Dân sự.

Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Buộc bị cáo Vũ Lương C phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm; 1.826.000đ (một triệu tám trăm hai mươi sáu nghìn đồng chẵn) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự ”.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Cấp Cao;
- VKSND Cấp Cao;
- VKSND tỉnh;
- CQCSĐT + THAHS Công an tỉnh;
- Sở tư pháp tỉnh;
- Trại giam Lào Cai;
- Bị cáo; Bị hại;
- Người liên quan;
- THA Tòa án (3);
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Hoàng Thị Hồng Hạnh

